

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày..... của Hiệu trưởng trường
Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: **TIẾNG ANH KỸ THUẬT**

Ngành đào tạo: **SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

Tên tiếng Anh: **TEACHING ENGLISH to SPEAKERS of OTHER
LANGUAGES (TESOL)**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Mã số: **7140231**

Hình thức đào tạo: **CHÍNH QUY**

Tp. Hồ Chí Minh, 2018

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: TIẾNG ANH KỸ THUẬT

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: SƯ PHẠM TIẾNG ANH

Mã ngành: 52140231

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUY

Văn bằng tốt nghiệp:

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....của Hiệu trưởng trường
Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình đào tạo: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện của chuyên ngành: Không

4. Mục tiêu đào tạo (Objectives) và chuẩn đầu ra

Mục đích (Goals)

Theo Luật Giáo dục của Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mục tiêu giáo dục là đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vậy nên, chương trình đào tạo ngành Sư phạm Anh văn Kỹ thuật có mục tiêu phát triển người học cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực thực tiễn lẫn ý thức trách nhiệm đối với xã hội.

Chương trình đào tạo giáo viên Anh văn Kỹ thuật được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng ở các trường nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề và ở các cơ sở đào tạo khác. Chương trình giúp cho người học phát triển toàn diện với các kỹ năng chuyên môn, sư phạm, cũng như các kỹ năng mềm cần thiết để dễ dàng thích nghi với những thay đổi trong môi trường giảng dạy tiếng Anh ở các bậc đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mục tiêu đào tạo (Objectives)

1. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và kiến thức hệ thống về ngành Sư phạm Anh văn Kỹ thuật.
2. Có khả năng hình thành và vận dụng tri thức mới dựa trên kỹ năng phân tích và tư duy phản biện.
3. Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường nghề nghiệp.
4. Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế triển khai và vận dụng kiến thức, công nghệ mới trong giảng dạy tiếng Anh Kỹ thuật.

Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Có thể hiểu được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và kiến thức hệ thống về ngành Sư phạm Anh văn Kỹ thuật.	
1.1.	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn và khoa học tự nhiên để đáp ứng việc tiếp thu khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và nhu cầu học tập ở trình độ cao hơn.	2
1.2.	Hiểu được hệ thống về cơ sở ngành Anh văn và chuyên ngành Sư phạm Anh văn Kỹ thuật cũng như kiến thức cơ bản về văn hóa, văn học Anh Mỹ, Châu Á và giao tiếp liên văn hóa.	2
2.	Có khả năng vận dụng tri thức mới dựa trên kỹ năng phân tích và tư duy phê phán.	
2.1.	Áp dụng tốt các kỹ năng tiếng Anh cũng như các thuật ngữ chuyên ngành trong hoạt động dạy-học Anh văn Kỹ thuật phù hợp với chuẩn mực của ngành đào	3

	tạo.	
2.2.	Thu thập, phân tích và sàng lọc thông tin cũng như ứng dụng tri thức mới vào thực tiễn dạy học tiếng Anh ở các trường nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề và ở các cơ sở đào tạo khác.	4
3.	Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường nghề nghiệp.	
3.1.	Có kỹ năng giao tiếp và trình bày để phối hợp và công tác tốt trong và ngoài môi trường nghề nghiệp.	4
3.2.	Ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường công tác đa văn hóa thông qua việc học tập suốt đời.	4
4.	Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận dụng kiến thức, công nghệ mới trong giảng dạy tiếng Anh Kỹ thuật.	
4.1.	Nhận thức đúng vai trò của tiếng Anh, việc dạy học tiếng Anh và ứng dụng công nghệ thông tin trong thời đại toàn cầu hóa.	3
4.2.	Có khả năng xác định mục tiêu và đề ra phương án đạt được mục tiêu nghề nghiệp.	4
4.3	Thiết kế được bài giảng và cách thức kiểm tra, đánh giá người học theo đúng quy trình chuyên môn, nghiệp vụ cũng như biết cách xây dựng mục tiêu và cải tiến chương trình đào tạo.	5
4.4.	Tổ chức công tác giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học dựa trên nguồn lực hiện có ở nơi công tác và đặc trưng của người học.	5
4.5.	Đánh giá tính hiệu quả của công nghệ và ứng dụng các công cụ đó trong giảng dạy, kiểm tra và cải tiến chương trình.	5

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 132 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		36
A. Khối kiến thức bắt buộc		33
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		12
1	Các NL cơ bản của CN Mác-Lênin	5
2	Đường lối CM của ĐCSVN	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Pháp luật đại cương	2

II. Khoa học XH&NV		18
1	Tâm lý học đại cương	3
2	Quản lý nhà nước	3
3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	(tự chọn)
	Tiếng Việt thực hành	(tự chọn)
	Lịch sử Văn minh Thế giới	(tự chọn)
4	Nhật ngữ 1	3
5	Nhật ngữ 2	3
6	Nhật ngữ 3	3
III. Nhập môn ngành		3 (2+1)
B. Khối kiến thức tự chọn		3
IV. Tin học		3
1	Tin học văn phòng nâng cao	3 (2+1)
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		96
Cơ sở ngành		78
Chuyên ngành		
Thực tập tốt nghiệp (Kiến tập + Thực tập)		3 + 6
Luận văn /Thi tốt nghiệp		9

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần bắt buộc)

A – Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

ST T	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT 150105	Những NLCB của CN Mác – Lênin	5	
2.	LLCT 120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
3.	LLCT 230214	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	
4.	GELA 220405	Pháp luật đại cương	2	
5.	PSYC 230191	Tâm lý học đại cương	3	
6.	PSEM 320391	Quản lý nhà nước	3	
7.	JAPA 130138	Nhật ngữ 1	3	Không có
8.	JAPA 230238	Nhật ngữ 2	3	(MHT) JAPA 130138 (MHTQ) Không có
9.	JAPA 330338	Nhật ngữ 3	3	(MHT) JAPA 230238 (MHTQ) JAPA 130138
10.	ITTE 130138	Nhập môn ngành Sư phạm tiếng Anh	3 (2+1)	Không có
11.	ADMO138685	Tin học văn phòng nâng cao	3 (2+1)	
Tổng			33	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

ST T	Mã môn học	Tên học phần	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LISP 240135	Pre-intermediate Listening-Speaking	4	Không có
2.	LISP 240235	Intermediate Listening-Speaking	4	(MHT) LISP 240135 (MHTQ) Không có
3.	LISP 340335	Upper-intermediate Listening-Speaking	4	(MHT) LISP 240235 (MHTQ) LISP 240135
4.	LISP 430435	Advanced Listening-Speaking	3	(MHT) LISP 340335 (MHTQ) LISP 240235
5.	WRIT 230135	Basic Writing	3	Không có
6.	WRIT 330235	Academic Writing	3	(MHT) WRIT 230135 (MHTQ) Không có
7.	WRIT 330335	Critical Writing	3	(MHT) WRIT 330235 (MHTQ) WRIT 230135
8.	READ 230135	Intermediate Reading	3	Không có
9.	READ 330235	Upper-intermediate Reading	3	(MHT) READ 230135 (MHTQ) Không có
10.	PHON 230136	Phonetics & Phonology	3	Không có
11.	MOSY 230236	Morphology & Syntax	3	(MHT) PHON 230136 (MHTQ) Không có
12.	ASST 330336	ASEAN Studies	3	Không có
13.	SEMA 230336	Semantics	3	(MHT) MOSY 230236 (MHTQ) Không có
14.	BAST 330336	British Studies	3	Không có (Chọn 01 môn 14/15)
15.	AMST 330336	American Studies	3	
16.	ENEE 330337	English for Electronic & Electrical Engineering	3	Không có
17.	ENME 330437	English for Mechanical Engineering	3	Không có
18.	ENIT 330237	English for IT	3	Không có
Tổng			54	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	ITTM 130238	Introduction to Teaching Methodology	3	Không có
2.	LASK 230338	Language Skills Teaching	3	(MHT) ITTM 130238 (MHTQ) Không có
3.	TEPR 330438	Teaching Practice	3	(MHT) LASK 230338 (MHTQ) ITTM 130238

4.	TEYL 330538	Teaching English to Young Learners	3	(MHT) Không có (MHTQ) ITTM 130238
5.	TELL 330638	Technology Enhanced Language Learning	3	(MHT) Không có (MHTQ) ITTM 130238
6.	MATD 430738	Material Development	3	(MHT) Không có (MHTQ) WRIT 330335
7.	REME 430838	Research Methodology	3	(MHT) Không có (MHTQ) WRIT 330335
Tổng			21	

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (học phần thực tập tốt nghiệp)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Chuyên ngành ...				
1.	PREX 430938	Professional Experience	3	(MHT) Không có (MHTQ) TEPR 330438
2.	TPRA 461038	Teaching Practicum	6	(MHT) Không có (MHTQ) TEPR 330438
Tổng			9	

7.2.3. Tốt nghiệp (Sinh viên chọn một trong hai hình thức sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	THES 491438	Khóa luận	09	(MHT) Không có (MHTQ) REME 430838
2.		Các môn thay thế khóa luận	09	
2.1	TEST 431138	Testing and Assessment	3	(MHT) Không có (MHTQ) TEPR 330438 TEYL 330538 WRT 330335
2.2	PRAG 430436	Pragmatics	3	(MHT) Không có (MHTQ) SEMA 230336
2.3		Chọn 1 trong 2 môn dưới đây		
	LAAC 431238	Second Language Acquisition (Tự chọn)	3	(MHT) Không có (MHTQ) READ 330235
	SOCI 431338	Sociolinguistics (Tự chọn)	3	(MHT) Không có (MHTQ) LISP 430435
Tổng			9	

Điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp: Đạt kỳ thi kiểm tra năng lực “Qualified exam”

B – Phần tự chọn:**Kiến thức giáo dục đại cương** (*Sinh viên chọn 01 trong các môn học sau*)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	VICB 230138	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	Không có
2.	VIPR 230238	Tiếng Việt Thực hành	3	Không có
3.	HIST 230338	Lịch sử Văn minh Thế giới	3	Không có

Kiến thức cơ sở ngành (*Sinh viên chọn 01 trong các môn học sau*)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	EICB 330437	English for Business Communiation	3	Không có
2.	ENET 330137	English for Environmental Technology	3	Không có

C – Kiến thức liên ngành:

Sinh viên có thể chọn 6 tín chỉ liên ngành để thay thế cho các môn học chuyên ngành trong phần tự chọn:

- Xem danh sách các môn học được đề xuất trong phần Phụ lục, hoặc
- Sinh viên có thể tự chọn các môn học nằm ngoài danh sách được đề xuất trên tinh thần các môn học hỗ trợ hướng phát triển nghề nghiệp sau này. SV nên nhờ tư vấn thêm từ Ban tư vấn để có sự lựa chọn phù hợp.

D – Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học có trong chương trình đào tạo:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký)
1.	TEST 431138	Testing and Assessment	3	<i>Improve your knowledge of and skills in language assessment</i> https://www.futurelearn.com/courses/language-assessment#section-dates
2.	JAPA 130138	Japanese 1	3	<i>Japanese Pronunciation for Communication</i> https://www.edx.org/course/japanese-pronunciation-for-communication
Tổng			6	

8. Kế hoạch giảng dạy:

Các môn không xếp vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT150105	Những NLCB của CN Mác-Lênin	5	
2.	LLCT230214	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	TQ_(LLCT150105) TQ_(LLCT120314)
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	TQ_(LLCT150105)
4.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
5.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước	Mã MH tiên quyết
1.	GELA 220405	Pháp luật đại cương	2	Không có	Không có
2.	WRIT 230135	Basic Writing	3	Không có	Không có
3.	READ 230135	Intermediate Reading	3	Không có	Không có
4.	PHED 110513	Giáo dục thể chất 1	1	Không có	Không có
5.	LISP 240135	Pre-intermediate Listening-Speaking	4	Không có	Không có
6.	ITTE 130138	Nhập môn ngành Sư phạm Tiếng Anh	3 (2+1)	Không có	Không có
Tổng			15		

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước	Mã MH tiên quyết
1.	PSEM 320391	Quản lý nhà nước	3	Không có	Không có
2.	JAPA 130138	Nhật Ngữ 1	3	Không có	Không có
3.	LISP 240235	Intermediate Listening-Speaking	4	LISP 240135	Không có
4.	WRIT 330235	Academic Writing	3	WRIT 230135	Không có
5.	READ 330235	Upper-intermediate Reading	3	READ 230135	Không có
Tổng			16		

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước	Mã MH tiên quyết
1.	PSYC 230191	Tâm lý học đại cương	3	Không có	Không có
2.	JAPA 230238	Nhật Ngữ 2	3	JAPA 130138	Không có
3.	LISP 340335	Upper-intermediate Listening-Speaking	4	LISP 240235	LISP 240135
4.	WRIT 330335	Critical Writing	3	WRIT 330235	WRIT 230135
5.	ITTM 130238	Introduction to Teaching Methodology	3	Không có	Không có
Tổng			16		

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước	Mã MH tiên quyết
1.	VICB 230138	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	Chọn 01 môn 1/2/3 Không có	Không có
2.	VIPR 230238	Tiếng Việt Thực hành	3		
3.	HIST 230338	Lịch sử Văn minh Thế giới	3		
4.	JAPA 330338	Nhật Ngữ 3	3	JAPA 230238	JAPA 130138
5.	ADMO138685	Tin học văn phòng nâng cao	3 (2+1)	Không có	Không có
6.	LISP 430435	Advanced Listening-Speaking	3	LISP 340335	LISP 240235
7.	PHON 230136	Phonetics & Phonology	3	Không có	Không có
8.	LASK 230338	Language Skills Teaching	3	ITTM 130238	Không có
Tổng			18		

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước	Mã MH tiên quyết
1.	MOSY 230136	Morphology & Syntax	3	PHON 230136	Không có
2.	TEPR 330438	Teaching Practice	3	LASK 230338	ITTM 130238
3.	BRST 330336	British Studies	3	(Chọn 01 môn 3/4) Không có	Không có
4.	AMST330 336	American Studies	3		
5.	TEYL 330538	Teaching English to Young Learners	3	Không có	ITTM 130238
6.	ENEE 330137	English for Electronic & Electrical Engineering	3	Không có	Không có
7.	EICB 330437	English for Business Communication	3	(Chọn 01 môn 7/8) Không có	Không có
8.	ENET 330137	English for Environmental Technology	3		
Tổng			18		

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước	Mã MH tiên quyết
1.	ASST 330336	ASEAN Studies	3	WRIT 330335	Không có
2.	REME 430838	Research Methodology	3	Không có	WRIT 330335
3.	EMME330237	English for Mechanical Engineering	3	Không có	Không có
4.	TELL 330638	Technology Enhanced Language Learning	3	Không có	ITTM 130238
5.	MATD430738	Material Development	3	Không có	WRIT 330335
6.	SEMA 230136	Semantics	3	MOSY 230236	Không có
7.	ENIT 330137	English for IT	3	Không có	Không có
Tổng			21		

Học kỳ 7

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước	Mã MH tiên quyết
1.	PREX 430938	Professional Experience	3	Không có	TEPR 330438
2.	TPRA 461038	Teaching Practicum	6	Không có	TEPR 330438
Tổng			9		

Học kỳ 8

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước	Mã MH tiên quyết
1.	THES 491438	Khóa luận	09	Không có	REME 430838
2.		Các môn thay thế khóa luận	09		
2.1	TEST 431138	Testing and Assessment	3	Không có	TEPR 330438 TEYL 330538 WRT 330335
2.2	PRAG 430436	Pragmatics	3	Không có	SEMA 230336
2.3		Chọn 1 trong 2 môn dưới đây			
	LAAC 431238	Second Language Acquisition (Tự chọn)	3	Không có	READ 330235
	SOCI 431338	Sociolinguistics (Tự chọn)	3	Không có	LISP 430435
Tổng			9		

9. Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng các học phần**9.1. ĐỌC HIỂU – TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (INTERMEDIATE READING) (3 tín chỉ)**

Phân bố thời gian học tập:

3 (3/0/6)

Mã môn học:

READ230135

Điều kiện tiên quyết:

Không

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh năm thứ nhất đạt được năng lực đọc ở trình độ trung cấp (B1). Học phần hỗ trợ kỹ năng đoán nghĩa của từ thông qua ngữ cảnh (trang bị từ vựng mới cho người đọc trước khi vào bài đọc chính và củng cố thêm từ vựng cho người đọc sau khi kết thúc tất cả quá trình đọc). Ngoài ra, các hình thức bài tập đa dạng giúp tăng cường kỹ năng đọc lấy ý chính, đọc lấy thông tin chi tiết, và kỹ năng đọc hiểu nhanh thông qua việc xác định “key words – những từ thể hiện chủ đề chính của bài đọc”. Sau khóa học, sinh viên có khả năng vận dụng biểu đồ để giúp đọc hiểu bài đọc dễ dàng. Học phần cũng giúp sinh viên phát triển tư duy logic, sáng tạo và khả năng suy luận.

9.2. ĐỌC HIỂU TRÌNH ĐỘ TRÊN TRUNG CẤP (UPPER-INTERMEDIATE READING)**(3 tín chỉ)**

Phân bố thời gian học tập:

3 (3/0/6)

Mã môn học:

READ330235

Điều kiện tiên quyết:

ĐỌC HIỂU – TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên ngữ tiếng Anh năm thứ nhất đạt được năng lực đọc ở trình độ trên trung cấp (B2). Thông qua các bài đọc thuộc nhiều thể loại khác nhau, sinh viên không chỉ thực hành các kỹ năng đọc căn bản mà còn phát triển các kỹ năng đọc nâng cao như suy luận, xác định giọng văn và cảm xúc của tác giả, nhận biết thái độ và thiên kiến của tác giả, xác định nguồn thông tin, xác định nguyên nhân kết quả, đọc hiểu dữ liệu thống kê. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và xây dựng vốn từ vựng thuộc nhiều đề tài khác nhau. Thông qua các hoạt động học trên lớp và bài tập về nhà, sinh viên còn phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc cá nhân và làm việc nhóm.

9.3. VIẾT TIẾNG ANH CĂN BẢN (BASIC WRITING)

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập:

3 (3/0/6)

Mã môn học:

WRIT230135

Điều kiện tiên quyết:

Không

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh luyện viết các loại câu tiếng Anh căn bản và các thể loại đoạn văn khác nhau. Cụ thể, mỗi đơn vị bài học sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng diễn đạt ý tưởng hiệu quả và phù hợp với chủ đề, thể loại, và đối tượng người đọc. Bên cạnh đó, các vấn đề ngữ pháp sinh viên thường gặp phải khi viết câu, cách kết hợp từ vựng và sử dụng dấu câu để viết câu một cách hiệu quả cũng được lồng ghép vào các đơn vị bài học. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng để giúp sinh viên viết một đoạn văn mang tính học thuật với ba thành phần bao gồm câu chủ đề, các câu triển khai ý và câu kết luận. Sau đó, sinh viên tìm hiểu và thực hành viết các loại đoạn văn khác nhau về các chủ đề gần gũi với cuộc sống hiện tại. Thông qua các hoạt động viết và nhận xét cá nhân hoặc theo nhóm, sinh viên được củng cố và hoàn thiện về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng viết câu và viết đoạn văn. Bên cạnh đó, các hoạt động trên lớp, bài tập cá nhân và làm nhóm ở nhà, sinh viên đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

9.4. VIẾT TIẾNG ANH HỌC THUẬT (ACADEMIC WRITING)

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập:

3 (3/0/6)

Mã môn học:

WRIT330235

Điều kiện tiên quyết:

VIẾT TIẾNG ANH CĂN BẢN

Học phần này được thiết kế nhằm rèn luyện và củng cố kỹ năng viết luận tiếng Anh của sinh viên dựa trên nền tảng kiến thức của khóa học viết tiếng Anh căn bản. Thông qua việc phân tích bố cục của một đoạn văn, khóa học tạo cầu nối, giúp sinh viên thấy được sự tương quan giữa viết một đoạn văn và viết một bài luận. Từ đó, sinh viên học cách phát triển một đoạn văn thành một bài luận chặt chẽ đủ ba phần: mở bài, thân bài, và kết bài. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức và kỹ năng để thành công trong việc thực hành viết bốn loại bài luận trên các thể loại: miêu tả, so sánh và đối chiếu, nguyên nhân và kết quả, phân loại. Bên cạnh đó, sinh viên được tạo cơ hội để phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua các hoạt động thảo luận cho ý kiến và chia sẻ những trải nghiệm của bản thân. Đồng thời, các hoạt động viết cá nhân và nhóm cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

9.5. VIẾT TIẾNG ANH BIỆN LUẬN (CRITICAL WRITING)

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập:

3 (3/0/6)

Mã môn học:

WRIT330335

Điều kiện tiên quyết:

VIẾT TIẾNG ANH HỌC THUẬT

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh rèn luyện kỹ năng viết tiếng Anh biện luận dựa trên nền tảng kiến thức của khóa học viết tiếng Anh học thuật. Cụ thể, học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để thành công trong việc thực hành viết hai loại

bài luận trên các thể loại bài văn tranh luận (argument essay) và bài văn phản hồi (response essay). Trong môi trường học thuật, khả năng đề viết phản biện rất quan trọng và cần thiết để sinh viên tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ và khả năng nghiên cứu khoa học ở các học kỳ tiếp theo. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động trên lớp, bài tập cá nhân và làm nhóm ở nhà, sinh viên đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm.

9.6. NGHE -NÓI TRÌNH ĐỘ TIỀN TRUNG CẤP (PRE-INTERMEDIATE LISTENING-SPEAKING) (4 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 4 (4/0/8)
Mã môn học: LISP240135
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh đạt được năng lực nghe nói tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp (A2). Học phần này cung cấp cho sinh viên từ vựng, ngữ pháp, kiểu mẫu phát âm và kiến thức nền tảng về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và công việc thường ngày. Học phần này còn chú trọng phát triển kỹ năng nghe, cụ thể là xác định được ý chính và chi tiết trong các bài nói ngắn, các đoạn hội thoại và xây dựng khả năng giao tiếp tự tin, giải thích vấn đề, trình bày ý kiến và tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập và việc làm. Bên cạnh đó, thông qua học phần này, sinh viên không những phát triển kỹ năng nghe nói mà còn hình thành kỹ năng tự học, lập luận, tư duy có hệ thống và sáng tạo, làm tiền đề cho việc phát triển năng lực tư duy, giao tiếp cần thiết trong tương lai.

9.7. NGHE -NÓI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (INTERMEDIATE LISTENING-SPEAKING)

(4 tín chỉ)
Phân bố thời gian học tập: 4 (4/0/8)
Mã môn học: LISP240235
Điều kiện tiên quyết: **NGHE-NÓI TRÌNH ĐỘ TIỀN TRUNG CẤP**

Học phần này nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực nghe nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp (B1). Cụ thể, sinh viên có thể nắm bắt được các chiến lược nghe - nói (nghe lấy ý chính và chi tiết) và có khả năng nghe hiểu được về các chủ đề quen thuộc thường gặp nơi làm việc, trường học, trò tiêu khiển, sở thích cá nhân, miêu tả kinh nghiệm, ước mơ, sau đó thảo luận, đưa ra lí do và giải thích ý kiến về những vấn đề liên quan tới bài nghe. Ngoài ra, sinh viên cũng mở rộng kiến thức nền và vốn từ vựng thông qua các chủ đề được học. Đồng thời, những kỹ năng được rèn luyện trong quá trình học như suy luận, tổng hợp, thuyết trình, làm việc nhóm, chiến lược làm bài thi giúp người học phát triển tư duy cũng như kỹ năng học ngoại ngữ.

9.8. NGHE-NÓI TRÌNH ĐỘ TRÊN TRUNG CẤP (UPPER-INTERMEDIATE LISTENING-SPEAKING) (4 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 4 (4/0/8)
Mã môn học: LISP340335
Điều kiện tiên quyết: **NGHE-NÓI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực nghe nói tiếng Anh ở trình độ cận trên trung cấp (B1⁺). Cụ thể, sinh viên có thể nghe hiểu các bài phát thanh và các bài giảng ngắn, đồng thời ghi chú khi nghe, sau đó thảo luận hoặc tranh luận về các vấn đề được đề cập trong bài nghe. Thông qua các hoạt động dựa trên nhiệm vụ và phương pháp dạy lấy người học làm trung tâm, sinh viên đồng thời phát triển các kỹ năng như suy luận, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống, cá nhân hóa, phân biệt ngôn ngữ, làm bài thi, làm việc nhóm, tư duy phê phán và kỹ năng học ngoại ngữ, giúp người học thành công trong môi trường đại học và trong cuộc sống sau này. Các chủ đề đa dạng giúp sinh viên hình thành thái độ có chọn lọc và mang tính xây dựng đối với các giá trị về học thuật lẫn kinh tế - xã hội.

9.9. NGHE -NÓI TRÌNH ĐỘ NÂNG CAO (ADVANCED LISTENING-SPEAKING)

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập:

3 (3/0/6)

Mã môn học:

LISP430435

Điều kiện tiên quyết:

NGHE-NÓI TRÌNH ĐỘ TRÊN TRUNG CẤP

Học phần này được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh đạt được năng lực nghe nói tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp (B2+) đến nâng cao (C1). Cụ thể, sinh viên có thể nghe hiểu các bài giảng, bài nói và thảo luận có tranh luận về các chủ đề học thuật, khoa học xã hội và khoa học tự nhiên ít quen thuộc, đồng thời thông qua bài nghe phát triển tư duy phản biện để có thể suy luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá, tranh luận và giải quyết tình huống. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức nâng cao về từ vựng, phát âm và ngôn ngữ chức năng để tăng độ chính xác và nhuần nhuyễn khi sử dụng tiếng Anh trong các buổi thảo luận nhóm, tranh luận, thuyết trình đưa thông tin, thuyết minh dự án, thuyết trình để thuyết phục, thương lượng hoặc giải quyết mâu thuẫn. Khóa học cũng cung cấp một số kỹ năng học cần thiết như cách làm việc nhóm, cách nghe hiểu các bài giảng dài, cách làm bài thi và nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tư duy phản biện.

9.10. Phonetics & Phonology

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học hệ thống ngữ âm và âm vị tiếng Anh, hệ thống phiên âm quốc tế IPA; giúp sinh viên phân biệt được sự khác nhau giữa cách viết, ngữ âm và âm vị của tiếng Anh và tiếng Mỹ. Đồng thời, học phần cung cấp cho người học kiến thức và bài tập về trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu. Kết thúc học phần người học có khả năng phát âm đúng các âm, từ, các câu, các mẫu hội thoại ngắn và sử dụng ngữ điệu theo chuẩn của người Anh.

9.11. Morphology & Syntax

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước:

Môn học tiên quyết: Phonetics & Phonology

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên ngành Biên phiên dịch Kỹ thuật kiến thức căn bản về hình thái học và cú pháp học trong hệ thống các môn ngôn ngữ học. Hình thái học giúp người học

hiểu về cấu trúc từ và các các đơn vị ý nghĩa khác của từ trong khi Cú pháp học đề cập đến cấu trúc câu gồm cách thức từ tạo thành cụm từ, cụm từ tại thành mệnh đề và câu, cách thức mệnh đề kết hợp tạo thành câu phức. Do vậy, sự kết hợp của Hình thái học và Cú pháp học đã tạo nên ngữ pháp của một ngôn ngữ. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để miêu tả và phân tích một ngôn ngữ, cụ thể là tiếng Anh, và tạo tiền đề cho các học phần kỹ năng Biên – Phiên dịch trong các học kỳ sau.

9.12. Semantics

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước:

Môn học tiên quyết: Morphology & Syntax

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Ngữ nghĩa học tiếng Anh cung cấp cho sinh viên ngành Biên phiên dịch Kỹ thuật những hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa trong tiếng Anh ở cấp độ từ, cấp độ câu và mối quan hệ giữa các loại ngữ nghĩa. Đây là môn học nghiên cứu về mặt nét nghĩa của các đơn vị ngữ nghĩa; nghiên cứu các loại nghĩa, cấu trúc câu và sự thay đổi nét nghĩa của từ. Đồng thời môn học cũng phần nào giới thiệu nghiên cứu sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp xã hội. Qua môn học, sinh viên có khả năng nhận biết và kiến tạo chuỗi từ chuyển tải ý nghĩa đồng thời biết cách kết hợp những đơn vị ngữ nghĩa thành những tổ hợp nghĩa lớn hơn trong giao tiếp.

9.13. British Studies (3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước:

Môn học tiên quyết: Academic Writing

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Biên Phiên dịch kiến thức về văn hóa và khái quát văn học của quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn đối với thế giới, Vương quốc Anh. Về khía cạnh văn hóa, người học sẽ được giới thiệu khái quát về những yếu tố tác động lên quá trình hình thành, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa như: địa lý, lịch sử và chính trị. Qua hoạt động phân tích các yếu tố này, sinh viên sẽ đưa ra những nhận định mang tính phản biện về các đặc trưng văn hóa Anh và nhờ đó có thể hiểu rõ và giải thích được các hiện tượng văn hóa tại các quốc gia có giao lưu và chịu ảnh hưởng của nền văn hóa này. Về khía cạnh văn học, người học sẽ được giới thiệu khái quát về các tác phẩm và tác giả văn học nổi bật cùng bối cảnh lịch sử của tác phẩm. Dựa trên kiến thức về văn hóa và văn học, người học sẽ được thực hành dịch một số đoạn ngắn trong các tác phẩm để có thể hiểu được ngôn ngữ đặc trưng của văn học và có kỹ năng biên dịch các tác phẩm văn học.

9.14. American Studies (3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước:

Môn học tiên quyết: Academic Writing

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Biên Phiên dịch kiến thức về văn hóa và khái quát văn học của quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn đối với thế giới, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Về khía cạnh văn hóa, người học sẽ được giới thiệu khái quát về những yếu tố tác động lên quá trình hình thành, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa như: địa lý, lịch sử và chính trị. Qua hoạt động phân tích các yếu tố này, sinh viên sẽ đưa ra những nhận định mang tính phản

biện về các đặc trưng văn hóa Mỹ và nhờ đó có thể hiểu rõ và giải thích được các hiện tượng văn hóa tại các quốc gia có giao lưu và chịu ảnh hưởng của nền văn hóa này. Về khía cạnh văn học, người học sẽ được giới thiệu khái quát về các tác phẩm và tác giả văn học nổi bật cùng bối cảnh lịch sử của tác phẩm. Dựa trên kiến thức về văn hóa và văn học, người học sẽ được thực hành dịch một số đoạn ngắn trong các tác phẩm để có thể hiểu được ngôn ngữ đặc trưng của văn học và có kỹ năng biên dịch các tác phẩm văn học.

9.15. ASEAN Studies

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước:

Môn học tiên quyết: Academic Writing

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Biên Phiên dịch kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Sau khi hoàn thành môn học, người học sẽ có tầm nhìn tổng thể về các mặt kinh tế-lịch sử-văn hóa-chính trị của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

9.16. Pragmatics

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: Semantics

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Ngữ dụng học cung cấp cho sinh viên ngành Biên phiên dịch Kỹ thuật những hiểu biết cơ bản về ngữ nghĩa trong giao tiếp tiếng Anh, nghĩa của câu và phát ngôn như hàm ngôn, tiền giả định để có thể vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh, có thể hiểu được ý định giao tiếp của người nói trong ngữ cảnh nhất định của hội thoại Anh-Việt.

9.17. Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ môi trường

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Intermediate Reading, Intermediate Speaking-Listening

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tiếng Anh kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ môi trường, bao gồm các vấn đề như ô nhiễm môi trường và cách xử lý, quản lý môi trường (chất lượng nước, chất thải rắn, chất thải lỏng,...). Ngoài ra, việc kết hợp các chủ đề này với nhiều hoạt động đa dạng sẽ giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng Tiếng Anh kỹ thuật, tiếp tục phát triển bốn kỹ năng cơ bản (nghe-nói-đọc-viết) và kỹ năng dịch thuật chuyên ngành, làm tóm tắt và viết báo cáo. Sau khi khóa học kết thúc, sinh viên có khả năng hiểu được ý chính và ý chi tiết của các tài liệu về công nghệ môi trường, hiểu và mô tả được các biểu đồ.

9.18. Tiếng Anh chuyên ngành Công Nghệ Thông Tin

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Intermediate Reading, Intermediate Speaking-Listening

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Tiếng Anh kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin như: máy tính, hệ điều hành máy tính, phần cứng, phần mềm, truyền dữ liệu, mạng máy tính, đa phương tiện, an toàn và bảo mật... Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cùng với kỹ năng thuyết trình, dịch thuật chuyên ngành, làm tóm tắt và viết báo cáo được củng

cố và phát triển nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức ngôn ngữ đã học vào môi trường kỹ thuật. Qua đó, sinh viên nắm vững kiến thức không những về tiếng Anh kỹ thuật mà còn về chuyên ngành công nghệ thông tin để đọc sách, nghiên cứu và phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

9.19. Tiếng Anh chuyên ngành Điện-Điện tử

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Intermediate Reading, Intermediate Speaking-Listening

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ và cấu trúc ngữ pháp liên quan đến chuyên ngành điện-điện tử như động cơ điện, máy phát điện, máy biến áp, dòng điện một chiều, dòng điện xoay chiều, chất bán dẫn... Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cùng với kỹ năng dịch được củng cố và phát triển nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học trong môi trường kỹ thuật. Qua đó, sinh viên có thể đọc sách chuyên ngành, đọc sơ đồ, đọc giá trị các linh kiện trong điện tử, có thể nghiên cứu và làm việc độc lập trong môi trường tiếng Anh kỹ thuật.

9.20. Tiếng Anh chuyên ngành Cơ khí

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Intermediate Reading, Intermediate Speaking-Listening

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ và cấu trúc ngữ pháp liên quan đến chuyên ngành Cơ khí như: các loại máy đơn giản, máy công cụ, các phương pháp cắt gọt, kết nối vật liệu, đặc tính, phân loại vật liệu... Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cùng với kỹ năng dịch được củng cố và phát triển nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học trong môi trường kỹ thuật. Qua đó, sinh viên nắm vững kiến thức không những về tiếng Anh kỹ thuật mà còn về chuyên ngành cơ khí để đọc sách, nghiên cứu và phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

9.21. English for Business Communication

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Intermediate Reading, Academic Writing, and Upper-inter Listening-Speaking.

Môn học tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức, thuật ngữ, các cấu trúc tiếng Anh, kỹ thuật và các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp thương mại; giúp người học có thể: trao đổi thông tin trong môi trường thương mại; sử dụng ngôn ngữ phù hợp và tham gia vào các sự kiện, cuộc họp trong môi trường thương mại đạt hiệu quả cao; trình bày, thuyết trình trong các phiên họp hoặc hội nghị. Khóa học cũng giúp người học có cơ hội phát triển kỹ năng trình bày bằng tiếng Anh và dùng các thuật ngữ trong thương mại thông qua các hoạt động trên lớp.

9.22. Tiếng Nhật 1

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: không

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ Anh ĐHSPKT ở học kỳ 3 nhằm giới thiệu một ngoại ngữ mới với tư cách là ngoại ngữ 2. Bên cạnh đó, học phần này còn hướng đến việc phát triển khả năng sử dụng tiếng Nhật sơ cấp trong giao tiếp của sinh viên giúp các em trang bị thêm kỹ năng tiếp cận với một ngoại ngữ mới. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể sử dụng được tiếng Nhật sơ cấp trong các tình huống giao tiếp đơn giản như: giới thiệu về bản thân, chào hỏi, giới thiệu về gia đình, nói về món ăn yêu thích; đọc được thực đơn và gọi món.

9.23. Tiếng Nhật 2

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Tiếng Nhật 1

Môn học tiên quyết: Tiếng Nhật 1

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ Anh ĐHSPKT ở học kỳ 4 nhằm nâng cao trình độ tiếng Nhật của sinh viên đã hoàn thành học phần Nhật ngữ 1. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng mở rộng cách giao tiếp cơ bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống như nhà ở, cuộc sống, sở thích...

9.23. Tiếng Nhật 3

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Tiếng Nhật 2

Môn học tiên quyết: Tiếng Nhật 2

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm thứ ba chuyên ngữ Anh ĐHSPKT ở học kỳ 5 nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ của sinh viên đã hoàn thành học phần Nhật ngữ 2. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có khả năng giao tiếp hầu hết các tình huống sinh hoạt hằng ngày như đi lại bằng cách nào, nói về nơi nổi tiếng, nói về đồ yêu thích, cách nói khi mua đồ, nói về du lịch...

9.24. Lịch sử văn minh thế giới

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm 2 bậc Đại học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và một số thành tựu nổi bật về văn hóa, khoa học - kỹ thuật... của các nền văn minh nổi bật thời kì cổ trung đại ở phương Đông như Ai Cập, Ấn Độ, Trung Hoa và ở phương Tây như Hy Lạp, La Mã, các nước Tây Âu. Từ những kiến thức nền tảng về lịch sử phát triển và sự tiến bộ của nhân loại giúp sinh viên có thái độ tích cực cầu tiến, phát huy khả năng sáng tạo, tăng cường niềm đam mê khám phá, trau dồi, tích lũy kiến thức, kỹ năng để thành công. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp hỗ trợ cho sinh viên hình thành và rèn luyện một số kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm.

9.25. Tiếng Việt Thực hành**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: không**Môn học tiên quyết: không**Môn học song hành: không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm 2 ở bậc đại học nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành, quá trình phát triển và đặc điểm của tiếng Việt; giúp sinh viên củng cố và rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên năm bình diện chủ đạo: Chính tả, Từ vựng, Ngữ pháp, Phong cách ngôn ngữ, Văn bản. Từ đó, sinh viên có thể chủ động vận dụng tiếng mẹ đẻ đúng chuẩn mực trong học tập và nghiên cứu, góp phần giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp hỗ trợ cho sinh viên hình thành và rèn luyện một số kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm.

9.26. Cơ sở Văn hóa Việt Nam**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: không**Môn học tiên quyết: không**Môn học song hành: không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm 2 bậc Đại học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hóa nói chung, văn hóa Việt Nam nói riêng đặc biệt là các giá trị bản sắc của nền văn hóa Việt Nam mà thông qua đó bạn bè quốc tế có thể nhận diện nét riêng của nền văn hóa Việt Nam và phân biệt với các nền văn hóa khác trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới. Qua học phần này, sinh viên có thể hiểu những đặc trưng cơ bản, cốt lõi của nền văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại; biết tự định hướng trong thế giới thông tin đa dạng, đa chiều hiện nay và trong bối cảnh xu hướng toàn cầu hóa, quốc tế hóa đang diễn biến ngày càng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực trong đó có văn hóa; tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại trên nền tảng hòa nhập nhưng không hòa tan. Bên cạnh đó, học phần này còn giúp hỗ trợ cho sinh viên hình thành và rèn luyện một số kỹ năng học tập tích cực như: kỹ năng tìm kiếm tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình trước đám đông, kỹ năng làm việc nhóm.

9.27. Introduction to TESOL**3 (2+1) tín chỉ***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: Không**Môn học tiên quyết: Không**Môn học song hành: Không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này được thiết kế nhằm giới thiệu cho sinh viên Anh văn chuyên ngữ năm thứ nhất trường ĐHSPT về ngành Sư phạm tiếng Anh, mục tiêu học tập, các chuẩn cần đạt và định hướng nghề nghiệp. Học phần cũng nhằm giới thiệu cho sinh viên biết phương pháp và kỹ năng học nói chung và phương pháp học Anh văn nói riêng ở bậc đại học nhằm giúp cho sinh viên đạt được kết quả mong muốn để có được kiến thức tổng quát, các kỹ năng chuyên môn cần thiết, cũng như thái độ về nghề nghiệp tương lai.

9.28. Introduction to Teaching Methodology**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: Không**Môn học tiên quyết: Không**Môn học song hành: Không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này cung cấp cho sinh viên năm hai, ngành Sư phạm tiếng Anh Kỹ thuật trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy tiếng Anh nói chung và tiếng Anh Kỹ thuật nói riêng. Thứ nhất, khóa học tạo cơ hội cho sinh viên phân tích các đặc điểm của các nhóm người học khác nhau và cách thức tổ chức hoạt động dạy để tạo môi trường học tốt nhất cũng như vai trò của giáo viên trong suốt quá trình và trong mỗi buổi học, hoạt động học nói riêng. Thứ hai, học phần giới thiệu các yếu tố về môi trường học tập như quy mô lớp học hay độ phân hóa đa dạng về trình độ của người học. Sinh viên cũng được tiếp cận với các phương pháp giảng dạy tiếng Anh trong suốt lịch sử phát triển, phân tích đặc điểm của mỗi phương pháp để xác định tính phù hợp với từng tình huống cụ thể. Thứ tư, sinh viên được học về cách quản lý lớp để có một buổi học thành công như cách chia nhóm học tập, nhận diện lỗi sai của người học và cách đưa ra phản hồi tích cực, hiệu quả nhất.

9.29. Language Skills Teaching**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: Introduction to Teaching Methodology**Môn học tiên quyết: Introduction to Teaching Methodology**Môn học song hành: Không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Khóa học này cung cấp cho sinh viên năm 2 chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh Kỹ thuật của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM bức tranh toàn cảnh về giảng dạy ngôn ngữ nói chung và giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành kỹ thuật nói riêng. Khóa học này là phần tiếp nối của môn Introduction to Teaching Methodology, trọng tâm là cung cấp kiến thức về phương pháp giảng dạy từ vựng, phát âm, ngữ pháp, cùng với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và cách thiết kế bài giảng. Cùng với học phần lý thuyết, sinh viên sẽ có cơ hội thực hành thiết kế bài giảng và thực tập giảng dạy để củng cố kiến thức và vận dụng lý thuyết chung vào giảng dạy một lớp học cụ thể. Sau hoạt động tập giảng, sinh viên sẽ nhận được thông tin phản hồi từ bạn cùng lớp và nhận xét của giảng viên, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân để có được những tiết dạy tốt hơn trong tương lai.

9.30. Teaching Practice**(3 tín chỉ)***Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)**Môn học trước: Language Skills Teaching**Môn học tiên quyết: Language Skills Teaching**Môn học song hành: Không**Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần này giúp cho sinh viên năm thứ ba, chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh Kỹ thuật của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM hệ thống hóa kiến thức về dạy và học ngôn ngữ, cách tiếp cận phương pháp luận trong giảng dạy ngôn ngữ, quản lý lớp học, cách dạy các thành

phần ngôn ngữ và kỹ năng ngôn ngữ. Trong học phần này sinh viên có thể ứng dụng những phương pháp giảng dạy trong quá trình thực tập giảng dạy trước nhóm. Học phần còn tạo cơ hội cho sinh viên quan sát lớp học, thực hành soạn bài giảng và biết cách quản lý lớp có hiệu quả. Bên cạnh hoạt động tập giảng, sinh viên còn có cơ hội nhận được thông tin phản hồi từ bạn cùng lớp và nhận xét của giảng viên, rút kinh nghiệm cho bản thân để có được những tiết dạy tốt hơn trong tương lai.

9.31. Teaching English to Young Learners

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Introduction to Teaching Methodology

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh thiếu nhi được thiết kế dành cho sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh nhằm trang bị cho các giáo viên tương lai những kiến thức về đặc điểm lứa tuổi trẻ em, những phương pháp, kỹ năng, ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy. Sinh viên cần vận dụng kiến thức về phương pháp giảng dạy nói chung, kỹ thuật thiết kế giáo án trong học phần Nhập môn ngành Sư phạm tiếng Anh vào học phần này để thấy được nét khác biệt và cần điều chỉnh khi dạy trẻ em. Phương pháp giảng dạy sẽ bao gồm các hoạt động thảo luận tài liệu, chia sẻ kinh nghiệm, thực hành, nhận xét, đánh giá các hoạt động giảng dạy.

9.32. Research Methodology

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Teaching Practice, Critical Writing

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh Kỹ thuật trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM kiến thức nền tảng về việc thực hiện nghiên cứu khoa học và viết báo cáo. Khóa học cũng giới thiệu nhiều hình thức khác nhau của các ấn bản NCKH và quy trình chi tiết khi thực hiện một nghiên cứu. Sinh viên được học cách xác định mục tiêu nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế công cụ nghiên cứu, thu thập dữ liệu, nhận diện kết quả và đưa ra kết luận. Học phần cũng giúp cho sinh viên luyện tập kỹ năng viết đề cương nghiên cứu, trình bày kết quả phân tích dữ liệu, áp dụng các quy chuẩn và nâng cao đạo đức nghiên cứu cũng như giúp trang bị các kỹ năng cần thiết cho con đường nghiên cứu học thuật. Học phần giúp sinh viên cải thiện khả năng nghiên cứu độc lập để nâng cao chất lượng học và động lực làm nghiên cứu.

9.33. Material Development

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: Teaching Practice, Teaching English to Young Learners, Critical Writing

Môn học song hành: không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm hỗ trợ sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh kỹ thuật trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP HCM ý thức được tầm quan trọng của tài liệu giảng dạy trong chương trình đào tạo, hoàn thiện kỹ năng khai thác tài liệu trong quá trình giảng dạy tiếng Anh. Sinh viên

có cơ hội lĩnh hội kiến thức và luyện tập kỹ năng đánh giá, phát triển tài liệu phục vụ cho mục đích giảng dạy và học tập thông qua việc phân tích, thảo luận các loại hình tài liệu sử dụng trong các bối cảnh khác nhau. Ngoài ra, sinh viên cũng phân tích kinh nghiệm từ khóa thực tập và từ đó rút ra bài học cho việc sử dụng và phát triển tài liệu giảng dạy của bản thân. Khóa học giúp hoàn thiện khả năng sử dụng tài liệu của các giáo viên tương lai nhằm tạo điều kiện tốt nhất để nâng cao chất lượng và động lực học tập của người học.

9.34. Technology Enhanced Language Learning

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Teaching Practice, Teaching English to Young Learners

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng các loại công nghệ khác nhau như là một công cụ hiệu quả trong dạy và học môn Tiếng Anh. Cụ thể sinh viên sẽ được học cách nối các thiết bị hỗ trợ trình chiếu; chỉnh sửa sách điện tử; tìm kiếm, chọn lựa, tải về hình ảnh, âm thanh và video. Bên cạnh đó, sinh viên còn được học cách tạo và chỉnh sửa file âm thanh; làm phim; sử dụng các hiệu ứng trình chiếu, chèn hình ảnh, âm thanh và video vào trình chiếu. Về cơ bản, sinh viên sẽ được cung cấp nhiều cơ hội để luyện tập thành thạo và có thể sử dụng những công nghệ mới nhất để ứng dụng trong việc học cũng như giảng dạy Tiếng Anh sau này.

9.35. Professional Experience

(2 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Technology Enhanced Language Learning, Material Development

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm 4 chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật kiến thức cơ bản về dạy và học tiếng Anh trong môi trường thực tế. Học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội quan sát lớp học thực tế, tiến hành soạn giáo án, thực tập giảng dạy trước nhóm (micro-teaching), đánh giá hoạt động của giáo viên và sinh viên trong lớp học thực tế. Kết thúc học phần, sinh viên được yêu cầu nộp các bản dự giờ và viết bản tự phản ánh.

9.36. Teaching Practicum

(6 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 6(6/0/12)

Môn học trước: Professional Experience

Môn học tiên quyết: Professional Experience

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế cho sinh viên năm 4 chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật cơ hội quan sát lớp học thực tế và thực hành giảng dạy tiếng Anh như một giáo viên thực thụ trong một lớp học thật. Trong suốt quá trình học, sinh viên có cơ hội áp dụng kiến thức lý thuyết đã học trên lớp vào việc giảng dạy. Đồng thời thông qua hướng dẫn của giáo viên, sinh viên sẽ có được nhìn nhận thực tế về môi trường giảng dạy tiếng Anh, phát triển kỹ

năng đứng lớp, biết cách soạn giáo án và quản lý lớp học một cách hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên cũng có cơ hội giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành.

9.37. Testing and Assessment

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: Không

Môn học tiên quyết: Teaching Practice, Teaching English to Young Learners, Critical Writing

Môn học song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế dành cho sinh viên năm 4 chuyên ngành Tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM. Học phần này nhằm cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản liên quan đến kiểm tra và đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học ngoại ngữ. Ngoài ra, sinh viên còn được giới thiệu một số kỹ thuật khác nhau để đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học về 4 kỹ năng và sự thành thạo về phát âm, ngữ pháp, và từ vựng tiếng Anh. Các dạng đề thi khác nhau cũng sẽ được trình bày ngắn gọn để minh họa cho nội dung lý thuyết.

9.38. Sociolinguistics

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: Advanced Listening - Speaking

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế dành cho sinh viên năm 4 chuyên ngành Tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về bản chất xã hội của ngôn ngữ, cách ngôn ngữ được sử dụng trong những bối cảnh khác nhau ở những nền văn hóa khác nhau, và giúp sinh viên thấy được tầm quan trọng của ngôn ngữ trong giao tiếp và truyền đạt thông tin. Ngoài ra, học phần còn giải thích các vấn đề liên quan đến phương ngữ, biến thể, ngôn ngữ đơn giản hóa (pidgin), và hiện tượng đổi ngôn ngữ (code-switching). Các ứng dụng của môn học trong thực hành giảng dạy và phát triển chương trình đào tạo cũng được thảo luận trong khóa học.

9.39. Language Acquisition

(3 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: Upper-intermediate Reading

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu được quá trình học ngôn ngữ thứ hai (Second Language Acquisition - SLA) là nền tảng quan trọng trong việc giảng dạy ngôn ngữ và thiết kế chương trình đào tạo. Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên năm cuối chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật kiến thức cơ bản về SLA từ đó giúp sinh viên hiểu được quá trình lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai, sự khác biệt giữa việc học ngôn ngữ bản xứ và ngôn ngữ thứ hai, thứ ba. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển, tồn tại và suy thoái ngôn ngữ cũng được phân tích trong học phần. Học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức giảng dạy chuyên nghiệp và các đề tài nghiên cứu tiềm năng trong tương lai.

9.40. Thesis

(09 tín chỉ)

Phân bố thời gian học tập: 09(09/0/18)

Môn học trước: không

Môn học tiên quyết: Research Methodology

Môn học song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần:

Sinh viên năm cuối tùy theo năng lực và điều kiện để làm luận văn tốt nghiệp có thể được giao thực hiện một đề tài dưới sự hướng dẫn của một giáo viên có kinh nghiệm do Khoa chỉ định. Sinh viên phải tuân thủ các yêu cầu và quy trình thực hiện một luận văn tốt nghiệp, từ việc chọn đề tài, thiết kế đề cương nghiên cứu, phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu, cũng như trình bày luận văn trước hội đồng phản biện. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc 6 phần của một luận văn gồm giới thiệu đề tài và tầm quan trọng của đề tài, cơ sở luận, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, thảo luận về kết quả nghiên cứu và các đề xuất nghiên cứu trong tương lai. Qua học phần này, sinh viên sẽ rèn luyện được kỹ năng nghiên cứu độc lập, sưu tầm tài liệu cũng như kỹ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phê phán.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Phòng học tiếng (*Language Lab*): A5-201, A5-202

Sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh chủ yếu sử dụng các phòng sau đây: A301, A302, A303, A304, A305, A306, A307, A308, A310, A214, A215, A216.

10.2. Thư viện, trang Web:

Thư viện Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.HCM: <http://lib.hcmute.edu.vn/>

Thư viện Đại học Quốc Gia Tp.HCM: www.vnulib.edu.vn

Thư viện Đại học Kinh Tế Tp.HCM: www.lib.ueh.edu.vn

Thư viện Đại học Bách Khoa Tp.HCM: www.lib.hcmut.edu.vn

Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ Thuật: www.tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn

Tạp chí Khoa học: www.tckh.ou.edu.vn

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo được triển khai theo các quy định, hướng dẫn hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

PHỤ LỤC CÁC MÔN HỌC LIÊN NGÀNH

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	EIBC230337	English for International Business Contracts	3	Không có
2.	ENFI330437	English for Finance	3	Không có
Tổng			6	